

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 47 /2026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn
thành phố Đà Nẵng**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3744/TTr-SNV ngày 29 tháng 4 năm 2026.

Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định Quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; các tổ chức hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy Đà Nẵng;
- Thường trực HĐND TP Đà Nẵng;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Ủy ban MTTQ VN TP Đà Nẵng;
- Chủ tịch, các Phó CT UBND thành phố;
- Các sở, ban, ngành; UBND các phường, xã, đặc khu;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Công báo thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Mạnh Hùng



QUY ĐỊNH

Về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47 /2026/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 5 năm 2026 của UBND thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý nhà nước đối với các tổ chức hội được thành lập, hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: Giao nhiệm vụ đối với hội; cho phép thành lập hội, phê duyệt điều lệ hội, cho phép tổ chức đại hội của hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, đình chỉ có thời hạn, giải thể hội; cho phép đặt chi nhánh văn phòng đại diện của hội trên địa bàn thành phố; quản lý hoạt động của các hội; trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã) và cơ quan nhà nước có liên quan trong việc quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng với các cơ quan, tổ chức:

a) Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan nhà nước có liên quan trong việc quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Các tổ chức hội hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép thành lập theo quy định của pháp luật gồm: Hội có phạm vi hoạt động trong thành phố Đà Nẵng; hội có phạm vi hoạt động trong cấp xã thuộc thành phố Đà Nẵng.

c) Văn phòng đại diện của hội có phạm vi hoạt động trong toàn quốc hoặc liên tỉnh được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoạt động trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

2. Quy định này không áp dụng với các tổ chức:

a) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố Đà Nẵng, Liên đoàn Lao động thành phố Đà Nẵng, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố Đà Nẵng, Hội Nông dân thành phố Đà Nẵng, Hội Cựu chiến binh thành phố Đà Nẵng, Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố Đà Nẵng.

b) Hội cựu sinh viên, cựu học viên các trường học; hội đồng hương; hội tộc họ, dòng họ; ban liên lạc hưu trí và các hình thức tổ chức khác hoạt động theo Sắc lệnh số 101-SL/L.003 ngày 20 tháng 5 năm 1957 của Chủ tịch nước ban hành Luật quy định quyền tự do hội họp và Nghị định số 257-TTg ngày 14 tháng 6 năm 1957 của Thủ tướng Chính phủ quy định thi hành Sắc lệnh số 101/SL/L003.

3. Các nội dung khác không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại Điều 1 Quy định này đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên quy định những nội dung khác mà Quy định này không quy định thì áp dụng theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của hội

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục tiêu lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ hội và Quy định này.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý nhà nước đối với hội

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thống nhất quản lý nhà nước đối với hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, bảo đảm điều kiện để các tổ chức hội thành lập và hoạt động có hiệu quả và góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật; chỉ đạo việc thực hiện các nội dung quy định tại Điều 5 của Quy định này và Điều 49 của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giải quyết các thủ tục hành chính về hội theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

3. Sở Nội vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định.

4. Các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm quản lý nhà nước (theo sự phân công của Ủy ban nhân dân thành phố) đối với hội hoạt động trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ban, ngành theo quy định của pháp luật. Tổ chức lấy ý kiến của các hội có liên quan về những nội dung liên quan đến quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực của hội.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nhà nước về hội có phạm vi hoạt động tại xã.

Điều 5. Giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trên địa bàn thành phố

1. Giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố

a) Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố.

b) Các Sở, ban, ngành (theo sự phân công quản lý nhà nước đối với hội) lấy ý kiến cơ quan liên quan (nếu có) về kế hoạch công tác, nhiệm vụ hằng năm của hội; tổng hợp, thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ đối với các hội trên địa bàn thành phố có lĩnh vực hoạt động thuộc phạm vi quản lý nhà nước của mình.

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã. Việc phân công cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp, tham mưu giao nhiệm vụ đối với các hội do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Điều 6. Công nhận hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi thành phố.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi cấp xã phù hợp với điều kiện, thực tiễn tại địa phương và không nằm ngoài danh sách các hội Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi thành phố. Đồng thời, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để theo dõi.

Chương II

THỰC HIỆN CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC HỘI

Điều 7. Quản lý hoạt động của các hội

1. Các tổ chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Quy định này là các tổ chức hội có tư cách pháp nhân, hoạt động theo điều lệ, nghị quyết của hội và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Các hội được phân định trên cơ sở phạm vi hoạt động theo vùng lãnh thổ đơn vị hành chính, không phân biệt hội cấp trên và hội cấp dưới, không nhất thiết tổ chức hội thành hệ thống từ thành phố đến cấp xã.

3. Quan hệ giữa các hội trong quá trình hoạt động: Hội có phạm vi hoạt động trong phạm vi xã không phụ thuộc hay chịu sự chỉ đạo của hội có phạm vi

hoạt động trong thành phố Đà Nẵng (về cơ cấu tổ chức của hội, quản lý, điều hành hội và thực hiện nhiệm vụ của hội).

4. Hội được thành lập các tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật; chi nhánh, văn phòng đại diện, liên chi hội, chi hội, phân hội, tổ hội thuộc hội (sau đây viết tắt là các tổ chức thuộc hội) theo quy định của điều lệ hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Việc thành lập các tổ chức thuộc hội được thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

5. Khen thưởng, kỷ luật và giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm liên quan đến hội thực hiện theo quy định tại các Điều 28, 29 và 30 của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

6. Các mẫu văn bản áp dụng cho các hội, công dân, tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về hội được thực hiện theo quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

7. Trường hợp hội không tuân thủ các quy định của pháp luật về hội, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm của hội, các Sở, ban, ngành có thẩm quyền quản lý về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động chịu trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ); các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Thẩm quyền thực hiện các thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội, cho phép thành lập hội; phê duyệt điều lệ hội; cho phép tổ chức đại hội của hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể hội

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời, có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để theo dõi.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, địa phương trong giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính về việc cho phép thành lập hội, phê duyệt điều lệ hội, cho phép tổ chức đại hội của hội; chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đổi tên, đình chỉ có thời hạn, giải thể hội

1. Đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn thành phố, căn cứ hồ sơ đảm bảo đầy đủ tài liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Sở Nội vụ có trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; trong quá trình giải quyết hồ sơ, nếu xét thấy hồ sơ của tổ chức, cá nhân không bảo đảm tính pháp lý, Sở Nội vụ có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan chức năng có liên quan. Trong trường hợp không giải quyết hồ sơ thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Đối với hội hoạt động trong phạm vi cấp xã căn cứ hồ sơ đảm bảo đầy đủ tài liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, cơ quan chuyên môn cấp xã được giao nhiệm vụ có trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định theo quy định; trong quá trình giải quyết hồ sơ, nếu xét thấy hồ sơ của tổ chức, cá nhân không bảo đảm tính pháp lý thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lấy ý kiến các cơ quan chức năng có liên quan. Trong trường hợp không giải quyết hồ sơ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh được thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng khác với nơi đặt trụ sở của hội.

Khi có nhu cầu đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, hội xây dựng hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 25 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và Bộ thủ tục hành chính ban hành kèm Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về thủ tục chi nhánh, văn phòng đại diện hội gửi Sở Nội vụ.

2. Sở Nội vụ lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn theo dõi ngành, lĩnh vực hoạt động của hội; thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định cho phép hội đặt chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng.

3. Các Sở, ban, ngành theo chức năng quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của hội có nhu cầu đặt chi nhánh, văn phòng đại diện có trách nhiệm kiểm tra, có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Nội vụ tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

LẬP VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ, TÀI LIỆU CỦA HỘI VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 11. Lập và lưu trữ hồ sơ, tài liệu của hội

1. Hội phải lập hồ sơ và lưu giữ tại trụ sở của hội danh sách hội viên, trong đó ghi rõ tên, tuổi, nghề nghiệp, địa chỉ của hội viên; hồ sơ hội thành viên, chi hội và các tổ chức cơ sở thuộc hội; sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của hội; hồ sơ công việc và các tài liệu liên quan đến quá trình thành lập, tổ chức và hoạt động của hội; sổ ghi biên bản các cuộc họp của ban lãnh đạo, ban kiểm tra hội.

2. Việc quản lý hồ sơ, tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Điều 12. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Định kỳ hằng năm (trước ngày 05 tháng 11), hội có trách nhiệm gửi báo cáo về các cơ quan quy định tại Điều 7 Quy định này và Sở, ban, ngành có thẩm quyền quản lý về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động. Báo cáo hoạt động của hội thực hiện theo Mẫu 14 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

2. Định kỳ hằng năm (trước ngày 10 tháng 11), các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo công tác quản lý hội theo Mẫu 14, Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP về Sở Nội vụ tổng hợp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Nội vụ trước ngày 15 tháng 12.

3. Khi thay đổi địa chỉ nơi đặt trụ sở của hội và thay đổi các chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký hoặc các chức danh tương đương, lãnh đạo hội phải thông báo bằng văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8 của Quy định này, đồng thời gửi các cơ quan quản lý nhà nước lĩnh vực hội hoạt động.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Các Sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực hoạt động của hội có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động hội trên phạm vi thành phố Đà Nẵng.

2. Hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tham gia thực hiện một số nhiệm vụ do Nhà nước giao thuộc ngành, lĩnh vực quản lý phù hợp với điều kiện và khả năng của hội; cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật về quy hoạch, phương hướng, chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các hội tham gia phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.

3. Thẩm định nội dung các chương trình, kế hoạch, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các hội theo ngành, lĩnh vực quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định giao cho hội hoạt động trong phạm vi thành phố Đà Nẵng thực hiện những nhiệm vụ phù hợp với khả năng thực hiện của hội.

4. Thu thập ý kiến của hội tham gia đóng góp với Đảng, Nhà nước, thành phố Đà Nẵng trong quá trình xây dựng và thực hiện các chính sách, nhiệm vụ công tác của ngành, lĩnh vực.

5. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra hoạt động của hội trong việc chấp hành pháp luật và điều lệ hội; việc sử dụng và quản lý tài chính, tài sản; đánh giá hoạt động của hội; đề nghị thi đua, khen thưởng; trả lời các đề nghị, kiến nghị, giải quyết khiếu nại, tố cáo; xử lý vi phạm pháp luật đối với hội

hoạt động trong phạm vi thành phố thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Tổng hợp số liệu về hội theo thẩm quyền quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội thuộc ngành, lĩnh vực theo quy định.

7. Báo cáo tình hình hội hoạt động trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý và gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) theo quy định tại Điều 12 của Quy định này (trước ngày 15 tháng 11 hằng năm).

Điều 14. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước chung về hội trên phạm vi thành phố Đà Nẵng; phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý nhà nước về hội trên phạm vi thành phố Đà Nẵng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quy định các chế độ, chính sách đối với người làm việc tại tổ chức hội (nếu có) theo quy định của pháp luật.

3. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát tổ chức, hoạt động của hội, tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định:

a) Phân công các cơ quan theo dõi, chỉ đạo, quản lý hoạt động của các hội theo ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động.

b) Tổ chức, sắp xếp, tinh gọn hội thuộc thành phố, thuộc xã theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Hướng dẫn, tập huấn nghiệp vụ liên quan quản lý hội đối với cán bộ, công chức, viên chức làm công tác hội tại các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các hội theo quy định.

5. Chủ trì, phối hợp với các ngành, các cấp kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương, quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về tổ chức, hoạt động và quản lý hội thuộc phạm vi quản lý nhà nước; phối hợp với các Sở, ban, ngành kiểm tra việc thực hiện điều lệ và chấp hành pháp luật; công tác thi đua, khen thưởng; giải quyết những vấn đề về tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

6. Định kỳ hằng năm (chậm nhất trước ngày 15 tháng 12) tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Nội vụ về công tác tổ chức, hoạt động và quản lý hội trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo quy định.

7. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của các tổ chức hội thuộc phạm vi quản lý của Sở Nội vụ.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Chủ trì tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi thường xuyên hỗ trợ các hội hoạt động theo nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền đảm bảo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Tổng hợp quyết toán kinh phí hỗ trợ các tổ chức hội vào quyết toán ngân sách địa phương hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản thi hành Luật có liên quan.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra tài chính, tài sản hội từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với các tổ chức hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn thành phố.

3. Thống nhất quản lý nhà nước đối với các nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước của các tổ chức hội theo quy định tại Nghị định 313/2025/NĐ-CP ngày 08/12/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Điều 16. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý nhà nước đối với hội và giải quyết các thủ tục hành chính đối với hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn xã theo quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy định này; công nhận hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trên phạm vi cấp xã theo phân cấp tại khoản 2 Điều 6 Quy định này; tuyên truyền phổ biến pháp luật về hội; kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của hội; xét thi đua, khen thưởng, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về hội trên địa bàn cấp xã theo quy định.

2. Quyết định cụ thể cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc quản lý hội tại địa phương.

3. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của Trung ương, của Ủy ban nhân dân thành phố, việc chấp hành pháp luật và điều lệ hội; xử lý vi phạm pháp luật về hội, việc sử dụng và quản lý tài chính, tài sản; công tác thi đua, khen thưởng; giải quyết theo thẩm quyền những vấn đề liên quan về tổ chức, hoạt động của hội trên địa bàn cấp xã.

4. Tổng hợp số liệu về hội theo thẩm quyền quản lý để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước về hội trên địa bàn cấp xã.

5. Định kỳ hằng năm (chậm nhất trước ngày 15 tháng 11), báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ) về tình hình hoạt động và quản lý các hội có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan và các hội chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hội trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở, ban, ngành theo quy định. Tổ chức lấy ý kiến của hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc các ngành, địa phương, các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để theo dõi, tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

dungnt107-05/06/2026 13:56:35-dungnt107-dungnt107